

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan.

Ông Nông Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Hoàng Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Lương Văn H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/02/2017. Quá trình chung sống đến năm 2017 vì hoàn cảnh gia đình, vợ chồng phải đi làm ăn xa nên không có thời gian quan tâm đến nhau. Sau một năm kết hôn, chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã. Chị Hoàng Thị T đã nhiều lần níu kéo gia đình, nhưng anh

Lường Văn H vẫn không quan tâm và sống ly thân với chị Hoàng Thị T. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, chị T thấy rằng không thể hòa hợp được với anh Lường Văn H nữa, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lường Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Lường Văn H, bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của anh Lường Văn H cư trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Lường Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương, tuy nhiên hiện nay anh Lường Văn H đi làm ăn xa nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án được. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà H1 đã thông báo cho anh Lường Văn H, anh Lường Văn H có biết việc chị Hoàng Thị T hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Lường Văn H không đến Tòa án mà không có lý do, bà Nguyễn Thị H1 có nghe anh H nói về quan hệ hôn nhân: Anh H nhất trí ly hôn với chị Hoàng Thị T; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lường Văn H không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lường Văn H vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và

nợ chung: không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Anh Lương Văn H vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn H theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn H là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống vì hoàn cảnh gia đình, vợ chồng phải đi làm ăn xa nên không có thời gian quan tâm đến nhau. Sau một năm kết hôn, chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã. Chị Hoàng Thị T đã nhiều lần níu kéo gia đình, nhưng anh Lương Văn H vẫn không quan tâm và sống ly thân với chị Hoàng Thị T. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đều trình bày rằng không còn tình cảm vợ chồng với Lương Văn H nữa. Chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn H.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn H thấy rằng: Anh Lương Văn H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết việc ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Hoàng Thị T có đơn xin ly hôn với anh, anh Lương Văn H không còn quan tâm đến chị Hoàng Thị T nữa và hai anh chị cũng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn H Lương Văn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị T trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn H vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị T; về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Không có là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị T. Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05890 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã V, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Công Đức